



Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học

Website: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Một số điểm mới của tội buôn lậu trong Bộ luật hình sự năm 2015 và những vấn đề đặt ra khi triển khai thực hiện ở thành phố Hải Phòng

Lê Nguyên Trường*

Công an Thành phố Hải Phòng, số 2 Lê Đại Hành, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam

Ngày nhận 25 tháng 11 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 12 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 6 năm 2018

Tóm tắt: Tội buôn lậu được Bộ luật hình sự năm 2015 quy định có nhiều sửa đổi, bổ sung so với Điều 153 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội danh tương ứng, do vậy bài viết này tập trung phân tích những quy định mới của Bộ luật hình sự năm 2015. Trên cơ sở đó bài viết nêu ra những vấn đề cần giải quyết để bảo đảm áp dụng có hiệu quả luật hình sự trong đấu tranh xử lý tội buôn lậu.

Từ khóa: Bộ luật hình sự, tội buôn lậu, tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, hình phạt.

Đặt vấn đề

Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 đã hoàn thiện quy định Tội buôn lậu theo hướng tạo ra cơ chế hữu hiệu để đáp ứng yêu cầu đấu tranh, xử lý phòng ngừa tình trạng buôn lậu trong hoạt động kinh tế. Triển khai thi hành BLHS năm 2015 trên địa bàn thành phố Hải Phòng đặt ra yêu cầu nhận thức đúng đắn, đầy đủ quy định của BLHS năm 2015 về Tội buôn lậu cũng như có các giải pháp phù hợp với đặc điểm của Hải Phòng để việc thực thi, áp dụng pháp luật có hiệu quả trên địa bàn toàn thành phố góp phần đấu tranh, phòng ngừa Tội buôn lậu. Bài viết này tập trung vào việc giải quyết các yêu cầu trên.

1. Những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 về Tội buôn lậu

Buôn lậu là một trong những tội phạm xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế do đó ở các thời kì của bất kì nền kinh tế nào cũng đều hình sự hóa hành vi buôn lậu, dùng chế tài hình sự để xử lý những trường hợp vi phạm có tính chất, mức độ nguy hiểm cao cho xã hội. Khoa học pháp lý hình sự nước ta đưa ra khái niệm Tội buôn lậu dựa trên các quy định về các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong luật. Theo đó, Tội buôn lậu được hiểu là “*người phạm tội dùng mọi thủ đoạn thực hiện hành vi buôn bán trái phép hàng hóa, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, vật phẩm thuộc di tích lịch sử văn hóa qua biên giới nhằm mục đích thu lời bất chính.*” [1].

*ĐT.: 84-903417509.

Email: lenguyentruong.hp@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4188>

Tội buôn lậu ở nước ta được quy định trong luật hình sự từ khá sớm và trải qua các giai đoạn lịch sử lại có những quy định khác nhau về dấu hiệu định tội và định khung hình phạt. Nói cách khác nội hàm của Tội buôn lậu phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế và định hướng quản lý điều tiết của nhà nước đối với nền kinh tế đất nước. Trong giai đoạn hiện nay nền kinh tế thị trường ở nước ta đã có những bước phát triển quan trọng, từng bước hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và đã mang lại những lợi ích to lớn, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết, trong đó có vấn đề đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, để khắc phục những hạn chế của BLHS năm 1999 trước yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi cần phải tiếp tục hoàn thiện BLHS để góp phần bảo vệ và thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN [2]. Chính vì vậy, Bộ Luật hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung quy định về Tội buôn lậu so với BLHS năm 1999.

Tội buôn lậu là tội phạm trong nhóm tội thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại của Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. BLHS năm 2015 đã có những thay đổi, bổ sung quy định về Tội buôn lậu so với quy định tương ứng của BLHS năm 1999. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, ngoài quy định “khu vực biên giới” BLHS năm 2015 còn bổ sung quy định hành buôn bán, vận chuyển hàng hóa trái phép “từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại” là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành Tội buôn lậu. “*Người nào buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hành hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý...*” (khoản 1, Điều 188 BLHS năm 2015). Theo quy định này địa điểm “biên giới”, “khu phi thuế quan” khi thực hiện hành vi buôn bán hàng, hóa tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trái phép là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành Tội buôn lậu. Theo đó, bên cạnh hành vi khách quan của Tội buôn lậu, một dấu hiệu khách quan khác có tính chất bắt buộc của cấu thành tội phạm này đó là

địa điểm thực hiện tội phạm, nếu thiếu dấu hiệu này thì hành vi buôn bán trái phép hàng hoá, tiền tệ, kim khí quý, đá quý cũng không cấu thành Tội buôn lậu. Người thực hiện hành vi buôn bán trái phép hàng hoá không qua biên giới thì tùy từng trường hợp hành vi phạm tội đó cấu thành Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm hay Tội kinh doanh trái phép.

Khái niệm “*biên giới*” ở đây không chỉ được quan niệm máy móc là đường giáp ranh giữa hai quốc gia mà còn được hiểu theo nghĩa rộng là hàng rào biên giới thuế quan, vùng kiểm soát của bộ đội biên phòng, an ninh cửa khẩu, vùng kiểm tra của Hải quan trên tất cả các tuyến đường (đường bộ, đường thủy, đường hàng không, đường xe lửa, đường buru điện quốc tế) ở mọi khu vực (kể cả các khu chế xuất). “Khu vực phi thuế quan” được các nước lập ra tại các cửa khẩu nhằm mục đích phát triển kinh tế, do đó việc buôn bán trái phép hàng hoá, tiền tệ, kim khí quý, đá quý từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại là dấu hiệu bắt buộc được bổ sung trong quy định về Tội buôn lậu của Điều 188, BLHS năm 2015.

Việc xác định “*qua biên giới*” “*từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại*” không chỉ căn cứ vào việc xác định hàng hoá đó qua đường biên giới địa lý hay chưa để xác định hành vi buôn lậu mà còn căn cứ vào hàng rào kiểm soát hàng hoá qua biên giới của các cơ quan quản lý như: Hải quan sân bay, Hải quan các cửa khẩu khác, địa điểm của các cơ quan này có khi là những địa điểm nằm sâu trong lãnh thổ nước ta do đó, hành vi buôn lậu vẫn xảy ra. Chính vì vậy để xác định hàng hoá đó qua biên giới, qua khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại hay chưa nên căn cứ vào việc hàng hoá đó đã thoát khỏi sự kiểm soát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xuất - nhập khẩu hàng hoá đó hay chưa? Hàng hoá có thể là hàng xuất khẩu hoặc hàng nhập khẩu nên cần phân biệt hai trường hợp: (i) *Đối với hàng nhập khẩu*: Chỉ khi nào người buôn lậu đưa hàng hoá qua biên giới quốc gia, qua khu phi thuế quan thì mới cấu thành “Tội buôn lậu”. Trường hợp khi hàng hoá đó nhập vào nội địa

mới bị phát hiện, nếu có đủ căn cứ chứng minh là đó nhập trái phép nhằm buôn bán kiếm lời thì cũng cấu thành “Tội buôn lậu”. Nếu hàng hoá mới được đưa tập kết đến gần đường biên giới nhưng chưa vào nước ta thì không coi là tội phạm hoàn thành vì hàng nhập khẩu vẫn còn đang nằm ngoài sự kiểm soát của ta; *Đối với hàng xuất khẩu*: Khi người phạm tội đưa hàng hóa qua khu vực kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bị phát hiện thì coi là thừa món dấu hiệu qua biên giới và bị coi là phạm tội buôn lậu. Trường hợp người phạm tội đó đưa hàng hóa trốn lọt ra ngoài biên giới sau đó mới bị phát hiện thì cũng cấu thành tội phạm.

Thứ hai, BLHS năm 2015 bỏ tình tiết liên quan đến hàng cấm trong cấu thành tội buôn lậu. Theo quy định này thì từ ngày 01/01/2018 (Thời điểm BLHS có hiệu lực pháp luật), các hành vi buôn bán, vận chuyển hàng cấm qua biên giới sẽ không xử lý về tội buôn lậu hoặc tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới mà bị xử lý về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm và tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 190 và Điều 191 của BLHS năm 2015).

Điểm c, Khoản 1, Điều 153 BLHS năm 1999 quy định buôn bán trái phép hàng hóa qua biên giới là tình tiết tăng nặng định khung và ở cấu thành cơ bản nếu hành vi buôn bán hàng cấm qua biên giới có giá trị dưới 100 triệu đồng (không cần phải có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng như đối với hàng hóa thông thường) đã cấu thành tội buôn lậu. BLHS năm 2015 bỏ tình tiết này trong quy định về tội buôn lậu mà chuyển sang quy định về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190) và “buôn bán qua biên giới” là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm k, khoản 2, Điều 190. Việc thay đổi này đã phản ánh đúng tính chất của Tội buôn lậu và Tội buôn bán hàng cấm là cơ sở cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự được chính xác hơn.

Thứ ba, cụ thể hóa các tình tiết thu lợi bất chính lớn, thu lợi bất chính rất lớn, thu lợi bất chính lớn tại điểm b, khoản 3 từ 500.000.000 đồng trở lên và thu lợi bất chính rất lớn lớn tại

điểm b, khoản 4 từ 1.000.000.000 đồng trở lên. Việc định lượng dấu hiệu thu lợi bất chính lớn, thu lợi bất chính rất lớn đã minh bạch hóa chính sách hình sự của nhà nước đối với tội buôn lậu, khắc phục được đánh giá chủ quan của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tố tụng giải quyết vụ án buôn lậu.

Thứ tư, xác định rõ vật phẩm thuộc di tích là Di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị trong cấu thành cơ bản và cấu thành tăng nặng định khung Tội buôn lậu. Điều 153 BLHS năm 1999 quy định “Vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hóa” là tình tiết tội và tình tiết định khung tăng nặng, Theo đó đối với hành vi buôn bán trái phép qua biên giới vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hóa thì không phụ thuộc vào giá trị của vật phẩm mà chỉ cần người nào có hành vi buôn bán trái phép đối tượng này qua biên giới nếu có đầy đủ các dấu hiệu bắt buộc khác của Tội buôn lậu thì người đó sẽ bị truy cứu TNHS về “Tội buôn lậu” và bị xử lý theo khung hình phạt này. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng việc xác định hàng hóa là di tích lịch sử, văn hóa khá khó khăn ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Để khắc phục hạn chế này, BLHS năm 2015 sửa đổi quy định rõ vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hóa là Di vật, cổ vật. Quy định này không những rõ ràng, cụ thể mà còn phù hợp với Luật di sản văn hóa, năm 2013 tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật giải quyết vụ án của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Thứ năm, BLHS năm 2015 bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng như: vật phạm pháp là bảo vật quốc gia; có tổ chức đáp ứng yêu cầu đấu tranh xử lý Tội buôn lậu. Thực tiễn đấu tranh Tội buôn lậu cho thấy xu hướng đánh cắp, buôn bán và nhất là buôn bán qua biên giới cổ vật quốc gia ngày càng gia tăng, không những chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà còn sự tồn vong của văn hóa dân tộc, để chủ quyền quốc gia. Mặt khác trước xu thế hội nhập quốc tế các tổ chức buôn lậu có sự cấu kết giữa người phạm tội với nước nước ngoài có chiều hướng phát triển, làm cho tính chất của tội phạm nguy hiểm hơn, hậu quả, tác hại do hành vi buôn lậu gây ra lớn

hơn. Vì vậy, BLHS năm 2015 bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng như: vật phạm pháp là bảo vật quốc gia; có tổ chức tại điểm d khoản 2; điểm a khoản 1, Điều 188.

Thứ sáu, tăng mức hình phạt tiền là hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với Tội buôn lậu. Cụ thể hóa chính sách hình sự của nhà nước theo hướng mở rộng các hình phạt không tước tự do đối với người phạm tội nên BLHS năm 2015 đã tăng mức hình phạt tiền đối với các hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Cụ thể: Quy định mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng ở khoản 1 (cấu thành cơ bản) thay cho mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng ở khoản 1, Điều 153 BLHS 1999; Quy định mức phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng ở khoản 2 (cấu thành tăng nặng định khung) mà khoản 2 Điều 153 BLHS 1999 không quy định; Quy định mức phạt tiền bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng ở khoản 5 (Hình phạt bổ sung) thay cho mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng ở khoản 5, Điều 153 BLHS 1999.

Thứ bảy, bổ sung khoản 6 ở Điều 188 BLHS năm 2015 về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại. Lần đầu tiên trong pháp luật hình sự Việt Nam quy định pháp nhân thương mại là chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự khi thỏa mãn các điều kiện của Điều 75 BLHS năm 2015. Theo đó, điều kiện pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự bao gồm: “a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; b) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; c) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; d) Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật này.” Như vậy, khác với căn cứ để truy cứu TNHS đối với cá nhân, căn cứ truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại gồm: hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực

hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại. Đây là điểm khác giữa căn cứ truy cứu TNHS giữa cá nhân với pháp nhân. Nói cách khác, căn cứ truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại dựa trên hành vi của cá nhân (điểm a khoản 1 Điều 75) và 03 điều kiện tiếp theo. Chính vì tính chất đặc biệt này, nên hiện nay, một số chuyên gia cho rằng: pháp nhân thương mại không phải là chủ thể của tội phạm mà chỉ là chủ thể của TNHS; chủ thể của tội phạm chỉ là cá nhân [3]. Việc quy định xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại thực hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực kinh tế xuất phát từ thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian qua, đồng thời, tạo sự bình đẳng trong chế tài xử lý đối với các chủ thể phạm tội và góp phần tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật.

Trên cơ sở này, khoản 6 Điều 188 BLHS năm 2015 quy định pháp nhân thương mại là chủ thể tội phạm phải chịu TNHS về Tội buôn lậu với các dấu hiệu định tội và định khung hình phạt sau:

- Dấu hiệu định tội tương tự như khoản 1, Điều 188, đó là pháp nhân thực hiện hành vi buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái quy định của pháp luật, chỉ khác, nếu giá trị hàng hóa do cá nhân thực hiện hành vi buôn lậu là từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng thì đối với pháp nhân giá trị hàng hóa buôn lậu phải từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng mới phải chịu trách nhiệm, dưới mức này chỉ bị xử phạt hành chính.

- Các hình phạt chính quy định đối với pháp nhân thương mại phạm Tội buôn lậu là hình phạt tiền, hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn của pháp nhân và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn của pháp nhân. Hình phạt tiền được quy định áp dụng đối với tất cả các trường hợp phạm tội (khoản 1 đến khoản 4 Điều 188) với mức thấp nhất 100.000.000 đồng (khoản 1) và mức cao nhất là 1.500.000.000 đồng (khoản 4) đều cao hơn mức tiền áp dụng đối với cá nhân phạm tội ở những khung hình phạt tương ứng.

Hình phạt tạm đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với pháp nhân từ 06 tháng đến 03 năm trong trường hợp phạm tội được quy định tại khoản 3, Điều 188.

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật năm 2015, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Điều 79 quy định điều kiện áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với pháp nhân, theo đó: “1. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn là chấm dứt hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra; 2. Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động”.

- Ngoài các hình phạt chính nêu trên, pháp nhân phạm tội buôn lậu còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại điểm d, khoản 5, Điều 188: “Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm kinh doanh, hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.”

2. Những vấn đề đặt ra khi áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội buôn lậu ở thành phố Hải Phòng

a) Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi có hiệu lực từ 01/01/ 2018 với thời gian chưa nhiều nhưng thực tiễn áp dụng, thi hành Bộ luật đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu giải quyết trên toàn quốc trong đó có Thành phố Hải Phòng.

Hải Phòng là thành phố nằm trong tam giác phát triển kinh tế của khu vực đồng bằng Bắc bộ, có vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế nên tình hình buôn lậu có diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng. Báo cáo của Công an Thành phố những năm gần đây (từ 2014 đến 2017) năm nào cũng có nhận định:

“Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển hàng hóa trốn thuế vẫn diễn biến phức tạp, như: Buôn bán trái phép ô tô từ nước ngoài về Việt Nam, làm giả giấy tờ để lưu hành, thế chấp ngân hàng... đã phát hiện, bắt giữ, xử lý 12 ô tô trị giá 20.150.000.000 đồng; tịch thu, phát mai 11.189.000.000 đồng...” [4]. Lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế và tham nhũng Công an thành phố Hải Phòng và các lực lượng trinh sát đã tích cực đấu tranh, phát hiện, xử lý nhiều vi phạm góp phần làm giảm tình hình buôn lậu trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận. Mặc dù phát hiện nhiều nhưng xử lý hình chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ còn lại là áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Việc ít xử lý hình sự do phần nhiều các vụ vi phạm có giá trị hành hóa buôn lậu chưa đến mức xử lý theo quy định của Bộ luật hình sự, chưa thỏa mãn dấu hiệu định lượng của cấu thành tội buôn lậu. Thực tế khi phát hiện hành vi buôn lậu thường chỉ có thể xử lý về một trong các tội như vận chuyển hàng hóa, tiền tệ trái phép qua biên giới; vận chuyển, buôn bán hàng cấm... do không đủ căn cứ chứng minh về dấu hiệu “buôn bán trái phép qua biên giới”, hoặc lập biên bản tịch thu hàng hóa, phương tiện và xử lý hành chính.

Bên cạnh những kết quả đó đạt được thì công tác phòng , chống tội buôn lậu trên địa bàn Thành phố còn bộc lộ nhiều hạn chế của các lực lượng chức năng như: biện pháp đấu tranh thường đơn giản, chủ yếu là việc tổ chức các hoạt động tuần tra kiểm soát, bắt giữ mà chưa chú trọng đến việc sử dụng đồng bộ có hệ thống, kế hoạch các biện pháp nghiệp vụ... Ngoài ra, còn phải kể đến nguyên nhân do tội phạm buôn lậu được thực hiện với các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt làm cho khó phát hiện hoặc khi bị phát hiện khó xử lý.

b) Từ thực tế nêu trên, để nâng cao hiệu quả thi hành, áp dụng Bộ luật hình năm 2015 về Tội buôn lậu cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, BLHS năm 2015 đã có những sửa đổi bổ sung phù hợp với thực tiễn đấu tranh xử lý, phòng ngừa Tội buôn lậu. Tuy nhiên cần phải có văn bản hướng dẫn thi hành của các cơ

quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền về những quy định mới của Tội buôn lậu trong BLHS năm 2015 như: i) hướng dẫn việc xác định buôn bán trái phép hàng hóa, tiền tệ “qua biên giới” “từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại”. Tình tiết “qua biên giới” là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của cấu thành tội buôn lậu nhưng để xác định thế nào là “qua biên giới” vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể dẫn đến cách hiểu không giống nhau, có ý kiến cho rằng “biên giới” ở đây là biên giới địa lý nước ta với các nước khác, nhưng cũng có ý kiến cho rằng “biên giới” ở đây không chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp là biên giới địa lý mà phải hiểu theo nghĩa rộng là hàng rào biên giới thuế quan, vùng kiểm soát của bộ đội biên phòng, an ninh cửa khẩu, vùng kiểm tra của hải quan trên tất cả các tuyến đường (đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không, đường bưu điện quốc tế) ở mọi khu vực (kể cả khu chế xuất). Có thể thấy rằng, cách hiểu thứ hai là hợp lý hơn, chính vì vậy, để thống nhất về nhận thức đối với hành vi phạm tội buôn lậu thì các cơ quan có thẩm quyền cần có văn bản hướng dẫn cụ thể, tránh sự không thống nhất trong cách hiểu về tình tiết này; ii) về đối tượng của Tội buôn lậu được quy định tại Điều 188 là Di vật, cổ vật đã rõ hơn quy định là “vật phẩm thuộc di tích lịch sử văn hóa” của Điều 153 BLHS năm 1999 như cũng cần được giải thích rõ theo hướng: Cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử văn hóa, khoa học, có từ một trăm năm tuổi trở lên; Di vật là vật được lưu giữ có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học; Bảo vật quốc gia là hiện vật được truyền lại có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu cho đất nước về lịch sử, văn hóa, khoa học. Cách hiểu này phù hợp với Luật di sản văn hóa năm 2013; iii) hướng dẫn chi tiết các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt ở các khoản của Điều 188 BLHS... tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi áp dụng pháp luật.

Thứ hai, cần có hướng dẫn kịp thời các điều kiện xác định chủ thể là pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm được

BLHS năm 2015 quy định, trong đó có Tội buôn lậu. Mặt khác, Tội buôn lậu được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức, cơ quan và nhiều trường hợp có sự cấu kết giữa các chủ thể này để phạm tội do đó cần có hướng dẫn loại pháp nhân nào, với điều kiện cụ thể gì sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội buôn lậu? Pháp nhân có đồng phạm với cá nhân và tổ chức khi thực hiện hành vi buôn lậu không và nếu có đồng phạm thì trách nhiệm hình sự được giải quyết như thế nào? Cần có hướng dẫn kịp thời về người đại diện cho pháp nhân do việc pháp nhân phạm tội phải thông qua người đại diện nên cần xác định ai là người đại diện cho pháp nhân? Pháp nhân có một hay nhiều đại diện và trách nhiệm của những đại diện này ở mức độ nào.

Thứ ba, củng cố và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trực tiếp đấu tranh xử lý buôn lậu. Lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội buôn lậu chủ yếu là cơ quan Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Quản lý thị trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Các cơ quan này phải thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao đồng thời phải có sự phối kết hợp với các cơ quan khác trong việc nắm tình hình, phát hiện và xử lý buôn lậu.

Các cán bộ trong lực lượng chống buôn lậu của thành phố Hải Phòng cần được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát cũng như kỹ năng điều tra mở rộng vụ án, tập trung vào các đối tượng đầu nậu và chủ hàng, nắm vững các kiến thức pháp luật có liên quan. Việc lập hồ sơ xử lý hình sự các đối tượng buôn lậu đảm bảo chặt chẽ để việc xử lý được triệt để.

Nâng cao hơn nữa việc rèn luyện về đạo đức và phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ công chức, mọi biểu hiện tiêu cực cần được ngăn chặn và xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Cải tiến chế độ lương và các phụ cấp, tăng tỷ lệ trích thưởng đảm bảo điều kiện về vật chất, tinh thần để họ được yên tâm công tác.

Tài liệu tham khảo

- [1] Martin Schulz và Oliver Wasmeier (2012), *The Law of Business Organizations: A Concise Overview of German Corporate Law*, Nhà xuất bản Springer.
- [2] German Stock Corporation Act 1965.
- [3] Nguyễn Ngọc Hòa, *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, trang từ 13 đến trang 19. NXB Tư pháp năm 2017.
- [4] Báo cáo Tổng kết công tác năm 2016 của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng Công an Thành phố Hải phòng, ngày 15 tháng 11 năm 2016.

Smuggling in the 2015 Penal Code and Implementation Precautions in Hai Phong

Le Nguyen Truong

Hai Phong Public Security Department, 2 Le Dai Hanh, Hong Bang, Hai Phong, Vietnam

Abstract: The article analyzes and discusses the amendments to the regulations on smuggling in the 2015 Penal Code in comparison with smuggling stipulated in Article 153 of the 1999 Penal Code. Thereby, the article proposes precautions to be taken for success in fighting against smuggling.

Keywords: The 2015 Penal Code, smuggling, penalty.